

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

* Phân môn Lịch sử:

- Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.
- Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.
- Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn.
- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.
- Liên hệ, rút ra được bài học từ phong trào Tây Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay.
- Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế, văn hóa trong các thế kỉ XVI – XVIII.
- Mô tả và giải thích được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.
- Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đề quốc.

* Phân môn Địa lí:

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.
- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.
- Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.
- Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam.
- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.
- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Năng lực đặc thù:

* **Phân môn Lịch sử:** Tìm hiểu lịch sử, tái hiện kiến thức, sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá, tổng hợp các sự kiện, nhận xét, vận dụng các kiến thức đã học.

* **Phân môn địa lí:**

- Rèn luyện kĩ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kĩ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.
- Rèn luyện kĩ năng địa lý, xử lí bảng số liệu.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài.
- Chăm chỉ, yêu thích môn học.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

70% trắc nghiệm, 30% tự luận.

III. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
A. PHẦN MÔN LỊCH SỬ												
1	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	1. Xung đột Nam – Bắc triều, chiến tranh Trịnh – Nguyễn										
		2. Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	2TN								5% 0,5 đ	
		3. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	2TN								5% 0,5 đ	
		4. Phong trào Tây Sơn	1 TN		1TN			1TL		1TL	20% 2 đ	
		5. Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	3TN		3TN						15% 1,5 đ	
2	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	1. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc			2TN						5% 0,5 đ	
		2. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx										
Tỉ lệ (%)			20% 2 đ		15% 1,5 đ		10% 1 đ		5% 0,5 đ		50% 5 đ	
B. PHẦN MÔN ĐỊA LÍ												
TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM	Khoáng sản Việt Nam	2 TN			1 TN						7,5% 0,75 đ

2	KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM	1. Khí hậu Việt Nam	4 TN			4 TN		1 TL		1 TL*	35% 3,5 đ
		2. Thủy văn Việt Nam	2 TN			1 TN					7,5% 0,75 đ
Tỉ lệ			20 % 2 đ		15 % 1,5 đ		10 % 1 đ		5 % 0,5 đ		50 % 5 đ
Tổng số câu			16		12		2		2		32
Tổng số điểm			4		3		2		1		10
Tỉ lệ chung			40%		30%		20%		10%		100%

IV. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Lịch sử							
1	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	1. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn	Nhận biết - Nêu được những nét chính Mạc Đăng Dung về sự ra đời của Vương triều Mạc. Thông hiểu - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. Vận dụng - Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.				
		2. Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	Nhận biết - Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu - Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.	2 TN			
		3. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	Nhận biết - Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. Thông hiểu - Nêu được ý nghĩa của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. Vận dụng - Nhận xét được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.	2 TN			

		4. Phong trào Tây Sơn	Nhận biết - Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ của phong trào Tây Sơn. Thông hiểu - Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn. Vận dụng - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. Vận dụng cao - Liên hệ, rút ra được bài học từ phong trào Tây Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay	1 TN	1 TN	1 TL	1 TL
		5. Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	Nhận biết - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế, văn hóa trong các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu - Mô tả và giải thích được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.	3 TN	3 TN		
2	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	1. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc	Thông hiểu - Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.		2TN		
		2. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	Nhận biết - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. - Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Thông hiểu - Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.				
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	6 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5%

Phân môn Địa lí							
B. Phân môn Địa lí							
1	VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM	Khoáng sản Việt Nam	Nhận biết - Xác định được phân bố của mỏ bôxít. - Xác định được các loại khoáng sản kim loại màu. Thông hiểu - Phân biệt các giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.	1 TN 1 TN	 1 TN		
2	KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM	Khí hậu của Việt Nam.	Nhận biết - Nêu được ở những nơi đón gió có lượng mưa trung bình. - Nêu được số giờ nắng của Việt Nam. - Trình bày được nhiệt độ lượng mưa của Vũng Tàu. Thông hiểu - Trình bày các yếu tố mang tính chất nhiệt đới của Việt Nam. - Trình bày được sự phân hóa theo chiều đông - tây của Việt Nam. - Giải thích được sự thay đổi nhiệt độ trung bình của Vũng Tàu. Vận dụng - Sử dụng kĩ năng địa lí: tính nhiệt độ trung bình của các trạm khí tượng Việt Nam. Vận dụng cao - Đề xuất những giải pháp để chống lũ lụt ở Việt Nam. - Chứng minh được nước ta có nhiều sông nhưng chủ yếu sông ngắn và dốc.	1 TN 1 TN 2 TN	 1 TN 1 TN 2 TN	 1 TL	
		Thủy văn Việt Nam	Nhận biết - Xác định sông chảy heo hướng vòng cung và chảy theo hướng Tây bắc - Đông nam. Thông hiểu - Trình bày đặc điểm của hệ thống sông của Nam Bộ.	2 TN	 1 TN		
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	6 câu TN	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20% 2 đ	15% 1,5 đ	10% 1 đ	5% 0,5 đ
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Nghĩa quân Tây Sơn dùng danh nghĩa gì để nhận được sự ủng hộ của nhân dân?

- A. “Phù Lê diệt Nguyễn”.
B. “Phù Lê diệt Trịnh”.
C. “Phù Nguyễn diệt Trịnh”.
D. “Phù Nguyễn diệt Lê”

Câu 2. Đâu **không** phải là làng nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Làng gốm Bát Tràng.
B. Làng dệt La Khê.
C. Làng rèn sắt ở Đà Nẵng.
D. Làng làm đường mía ở Quảng Nam.

Câu 3. "Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo" là khẩu hiệu của cuộc khởi nghĩa nào ở Đàng Ngoài trong thế kỉ XVIII?

- A. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất.
B. Khởi nghĩa Lê Duy Mật.
C. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.
D. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.

Câu 4. Từ thế kỉ XVI đến XVIII, tôn giáo nào từng bước suy thoái khi tôn ti trật tự phong kiến không còn được tôn trọng như trước?

- A. Nho giáo.
B. Thiên chúa giáo.
C. Đạo giáo.
D. Phật giáo.

Câu 5. Đến cuối thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn ở khu vực nào?

- A. Từ Cao Bằng đến phía bắc dải Hoành Sơn.
B. Từ Thuận Hóa đến Quảng Bình.
C. Từ phía nam dải Hoành Sơn đến mũi Cà Mau.
D. Từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Câu 6. Trong quá trình tiêu diệt chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, trước tình huống bất lợi cả ở hai phía, quân Tây Sơn đã làm gì?

- A. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Nguyễn.
B. Tạm hòa hoãn với quân Nguyễn, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Trịnh.
C. Tạm lui quân.
D. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, Nguyễn.

Câu 7. Đặc trưng quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc là

A. đẩy mạnh xuất khẩu tư bản, dưới 2 hình thức chủ yếu là: đầu tư sản xuất, kinh doanh trực tiếp tại các thuộc địa hoặc cho vay lãi.

- B. kết hợp giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng.
C. sự hình thành của các công ty độc quyền.
D. tăng cường xâm chiếm thị trường, thuộc địa.

Câu 8. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất hoạt động chính ở vùng nào?

- A. Điện Biên, Tây Bắc.
B. Sơn Tây.
C. Thanh Hóa, Nghệ An.
D. Quảng Trị.

Câu 9. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng đã có sự dung hợp, hình thành nên

- A. tư bản công nghiệp.
B. tư bản thương nghiệp.
C. tư bản tài chính.
D. tư bản nông nghiệp.

Câu 10. Đâu là vùng đất mà Nguyễn Hoàng trấn thủ, đặt nền tảng cho cơ nghiệp của chín vị chúa Nguyễn ở phương Nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này?

- A. Đất Bình Thuận.
B. Đất Thuận Hóa.
C. Đất Ninh Bình.
D. Đất Thanh Hóa.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“A-lêc-xăng đơ Rôt là một giáo sĩ người Pháp cùng một giáo sĩ Bồ Đào Nha đến Thanh Hoá.

Nhân gặp Trịnh Tráng đi qua, họ đã biểu một đồng hồ và một quyển sách toán đẹp. Trịnh Tráng đã đưa họ về Thăng Long giảng đạo. Nhờ đó, A. đơ Rôt đã làm lễ rửa tội cho hàng ngàn người. Năm 1630 A. đơ Rôt bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Năm 1640 ông được cử vào Đàng Trong nhưng sau 7 tháng bị chính quyền Nguyễn trục xuất, sau đó về Pháp. Năm 1651 A. đơ Rôt hoàn thành quyển Từ điển Việt- Bồ- Latinh, đánh dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La - tinh”

a. Chữ Quốc ngữ được hình thành ở Việt Nam trong thế kỉ XVII.

b. Trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam, giáo sĩ A-lê-xăng đơ Rôt đã dùng chữ La tinh ghi âm tiếng Việt, đưa đến sự ra đời của chữ Quốc ngữ.

c. Vì sự tiện lợi, khoa học, dễ sử dụng nên khi mới ra đời, chữ Quốc ngữ đã thay thế hoàn toàn chữ Nôm.

d. Các tác phẩm văn học trong thế kỉ XVI-XVIII chủ yếu dùng chữ Quốc ngữ.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ phong trào Tây Sơn, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là

A. 1400 - 3500 giờ trong năm.

B. 1300 - 4000 giờ trong năm.

C. 1300 - 3500 giờ trong năm.

D. 1400 - 3000 giờ trong năm.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam được thể hiện qua yếu tố nào sau đây?

A. Lượng mưa lớn, dao động từ 1500 – 2000 mm/ năm.

B. Chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa.

C. Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước lớn hơn 20°C.

D. Độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.

Câu 3. Ở Việt Nam, mỏ bôxít tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

A. Tây Nguyên.

B. Nam Trung Bộ.

C. Tây Nam Bộ.

D. Đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản?

A. Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến.

B. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm khoáng sản.

C. Sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch, tăng xuất khẩu khoáng sản thô.

D. Đầu tư công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại để khai thác hiệu quả.

Câu 5. Sông chảy theo hướng vòng cung là

A. sông Hồng.

B. sông Gâm.

C. sông Chảy.

D. sông Mã.

Câu 6. Ở những khu vực đón gió biển hoặc vùng núi cao có lượng mưa trung bình khoảng

A. 2500 - 3500mm/năm.

B. 3000 - 4000mm/năm.

C. 3000 - 3500mm/năm.

D. 3500 - 4000mm/năm.

Câu 7. Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại màu?

A. Dầu mỏ.

B. Man-gan.

C. Thiếc.

D. A-pa-tit.

Câu 8. Sông nào dưới đây chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam?

A. Sông Cả.

B. Sông Gâm.

C. Sông Kỳ Cùng.

D. Sông Lô.

Câu 9. Đặc điểm chế độ của nước sông ngòi Nam Bộ

A. lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.

B. lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước sông rất điều hòa.

C. lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng khắc nghiệt hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.

D. lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phân hóa theo chiều đông – tây của khí hậu Việt Nam?

A. Khí hậu trong đất liền ôn hòa hơn khí hậu vùng biển.

B. Vùng biển có khí hậu ôn hòa hơn trong đất liền.

C. Vùng đồi núi phía tây khí hậu phân hóa phức tạp.

D. Vùng đồng bằng ven biển có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI VŨNG TÀU

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a. Vũng Tàu không có tháng lạnh.

b. Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

c. Mùa mưa và mùa khô có sự phân hoá sâu sắc.

d. Nguyên nhân chủ yếu tạo ra mùa khô sâu sắc là gió mùa Tây Nam.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm). Dựa vào bảng số liệu, hãy tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa của hai trạm Láng (TP Hà Nội) và trạm Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm	Nhiệt độ (°C)	16,6	17,7	20,3	24,2	27,6	29,3	29,4	28,7	27,7	25,3	21,9	18,3
	Lượng mưa (mm)	22,5	24,4	47,0	91,8	185,4	253,3	280,1	309,4	228,3	140,7	66,7	20,2
Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)	Nhiệt độ (°C)	26,5	26,8	27,9	29,0	29,4	28,7	28,3	28,3	28,2	28,1	27,8	26,9
	Lượng mưa (mm)	160,1	80,2	83,1	59,4	125,7	222,8	247,4	250,6	257,8	328,4	388,2	461,1

Câu 2 (0,5 điểm): Để hạn chế những thiệt hại gây ra bởi lũ lụt, nhân dân ta cần thực hiện những biện pháp gì?

----- **HẾT** -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đến cuối thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn ở khu vực nào?

- A. Từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- B. Từ Thuận Hóa đến Quảng Bình.
- C. Từ phía nam dải Hoành Sơn đến mũi Cà Mau.
- D. Từ Cao Bằng đến phía bắc dải Hoành Sơn.

Câu 2. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất hoạt động chính ở vùng nào?

- A. Quảng Trị.
- B. Thanh Hóa, Nghệ An.
- C. Điện Biên, Tây Bắc.
- D. Sơn Tây.

Câu 3. Đặc trưng quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc là

- A. kết hợp giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng.
- B. tăng cường xâm chiếm thị trường, thuộc địa.
- C. sự hình thành của các công ty độc quyền.
- D. đẩy mạnh xuất khẩu tư bản, dưới 2 hình thức chủ yếu là: đầu tư sản xuất, kinh doanh trực tiếp tại các thuộc địa hoặc cho vay lãi.

Câu 4. "Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo" là khẩu hiệu của cuộc khởi nghĩa nào ở Đảng Ngoài trong thế kỉ XVIII?

- A. Khởi nghĩa Lê Duy Mật.
- B. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.
- C. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.
- D. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất.

Câu 5. Đâu **không** phải là làng nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Làng rèn sắt ở Đà Nẵng.
- B. Làng gốm Bát Tràng.
- C. Làng dệt La Khê.
- D. Làng làm đường mía ở Quảng Nam.

Câu 6. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng đã có sự dung hợp, hình thành nên

- A. tư bản nông nghiệp.
- B. tư bản công nghiệp.
- C. tư bản tài chính.
- D. tư bản thương nghiệp.

Câu 7. Đâu là vùng đất mà Nguyễn Hoàng trấn thủ, đặt nền tảng cho cơ nghiệp của chín vị chúa Nguyễn ở phương Nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này?

- A. Đất Ninh Bình.
- B. Đất Bình Thuận.
- C. Đất Thanh Hóa.
- D. Đất Thuận Hóa.

Câu 8. Từ thế kỉ XVI đến XVIII, tôn giáo nào từng bước suy thoái khi tôn ti trật tự phong kiến không còn được tôn trọng như trước?

- A. Nho giáo.
- B. Đạo giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Thiên chúa giáo.

Câu 9. Trong quá trình tiêu diệt chính quyền chúa Nguyễn ở Đảng Trong, trước tình huống bất lợi cả ở hai phía, quân Tây Sơn đã làm gì?

- A. Tạm lui quân.
- B. Tạm hòa hoãn với quân Nguyễn, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Trịnh.
- C. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, Nguyễn.
- D. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Nguyễn.

Câu 10. Nghĩa quân Tây Sơn dùng danh nghĩa gì để nhận được sự ủng hộ của nhân dân?

- A. "Phù Lê diệt Trịnh".
- B. "Phù Lê diệt Nguyễn".
- C. "Phù Nguyễn diệt Trịnh".
- D. "Phù Nguyễn diệt Lê"

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“A-lêc-xăng đơ Rôt là một giáo sĩ người Pháp cùng một giáo sĩ Bồ Đào Nha đến Thanh Hoá. Nhân gặp Trịnh Tráng đi qua, họ đã biếu một đồng hồ và một quyển sách toán đẹp. Trịnh Tráng đã đưa họ về Thăng Long giảng đạo. Nhờ đó, A. đơ Rôt đã làm lễ rửa tội cho hàng ngàn người. Năm 1630 A. đơ Rôt bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Năm 1640 ông được cử vào Đàng Trong nhưng sau 7 tháng bị chính quyền Nguyễn trục xuất, sau đó về Pháp. Năm 1651 A. đơ Rôt hoàn thành quyển Từ điển Việt- Bồ- Latinh, đánh dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La - tinh”

- Chữ Quốc ngữ được hình thành ở Việt Nam trong thế kỉ XVII.
- Trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam, giáo sĩ A-lêc-xăng đơ Rôt đã dùng chữ La tinh ghi âm tiếng Việt, đưa đến sự ra đời của chữ Quốc ngữ.
- Vì sự tiện lợi, khoa học, dễ sử dụng nên khi mới ra đời, chữ Quốc ngữ đã thay thế hoàn toàn chữ Nôm.
- Các tác phẩm văn học trong thế kỉ XVI-XVIII chủ yếu dùng chữ Quốc ngữ.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ phong trào Tây Sơn, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phân hóa theo chiều đông – tây của khí hậu Việt Nam?

- Vùng đồi núi phía tây khí hậu phân hóa phức tạp.
- Khí hậu trong đất liền ôn hòa hơn khí hậu vùng biển.
- Vùng biển có khí hậu ôn hòa hơn trong đất liền.
- Vùng đồng bằng ven biển có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 2. Sông chảy theo hướng vòng cung là

- sông Gâm.
- sông Chảy.
- sông Hồng.
- sông Mã.

Câu 3. Đặc điểm chế độ của nước sông ngòi Nam Bộ

- lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước sông rất điều hòa.
- lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng khắc nghiệt hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản?

- Sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch, tăng xuất khẩu khoáng sản thô.
- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm khoáng sản.
- Đầu tư công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại để khai thác hiệu quả.
- Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến.

Câu 5. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam được thể hiện qua yếu tố nào sau đây?

- Lượng mưa lớn, dao động từ 1500 – 2000 mm/ năm.
- Độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.
- Chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa.
- Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước lớn hơn 20°C.

Câu 6. Ở Việt Nam, mỏ bôxít tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- Tây Nguyên.
- Tây Nam Bộ.
- Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nam Trung Bộ.

Câu 7. Sông nào dưới đây chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam?

- Sông Cả.
- Sông Lô.
- Sông Kỳ Cùng.
- Sông Gâm.

Câu 8. Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là

A. 1300 - 3500 giờ trong năm.

B. 1400 - 3000 giờ trong năm.

C. 1400 - 3500 giờ trong năm.

D. 1300 - 4000 giờ trong năm.

Câu 9. Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại màu?

A. Dầu mỏ.

B. Thiếc.

C. Man-gan.

D. A-pa-tit.

Câu 10. Ở những khu vực đón gió biển hoặc vùng núi cao có lượng mưa trung bình khoảng

A. 3000 - 4000mm/năm.

B. 3500 - 4000mm/năm.

C. 3000 - 3500mm/năm.

D. 2500 - 3500mm/năm.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI VŨNG TÀU

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a. Vũng Tàu không có tháng lạnh.

b. Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

c. Mùa mưa và mùa khô có sự phân hoá sâu sắc.

d. Nguyên nhân chủ yếu tạo ra mùa khô sâu sắc là gió mùa Tây Nam.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm). Dựa vào bảng số liệu, hãy tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa của hai trạm Láng (TP Hà Nội) và trạm Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm	Nhiệt độ (°C)	16,6	17,7	20,3	24,2	27,6	29,3	29,4	28,7	27,7	25,3	21,9	18,3
	Lượng mưa (mm)	22,5	24,4	47,0	91,8	185,4	253,3	280,1	309,4	228,3	140,7	66,7	20,2
Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)	Nhiệt độ (°C)	26,5	26,8	27,9	29,0	29,4	28,7	28,3	28,3	28,2	28,1	27,8	26,9
	Lượng mưa (mm)	160,1	80,2	83,1	59,4	125,7	222,8	247,4	250,6	257,8	328,4	388,2	461,1

Câu 2 (0,5 điểm): Đề hạn chế những thiệt hại gây ra bởi lũ lụt, nhân dân ta cần thực hiện những biện pháp gì?

----- **HẾT** -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đặc trưng quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc là

- A. kết hợp giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng.
B. sự hình thành của các công ty độc quyền.
C. tăng cường xâm chiếm thị trường, thuộc địa.

D. đẩy mạnh xuất khẩu tư bản, dưới 2 hình thức chủ yếu là: đầu tư sản xuất, kinh doanh trực tiếp tại các thuộc địa hoặc cho vay lãi.

Câu 2. Đâu **không** phải là làng nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Làng gốm Bát Tràng. B. Làng làm đường mía ở Quảng Nam.
C. Làng dệt La Khê. D. Làng rèn sắt ở Đà Nẵng.

Câu 3. Từ thế kỉ XVI đến XVIII, tôn giáo nào từng bước suy thoái khi tôn ti trật tự phong kiến không còn được tôn trọng như trước?

- A. Đạo giáo. B. Phật giáo. C. Thiên chúa giáo. D. Nho giáo.

Câu 4. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất hoạt động chính ở vùng nào?

- A. Điện Biên, Tây Bắc. B. Thanh Hóa, Nghệ An.
C. Quảng Trị. D. Sơn Tây.

Câu 5. "Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo" là khẩu hiệu của cuộc khởi nghĩa nào ở Đảng Ngoài trong thế kỉ XVIII?

- A. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu. B. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.
C. Khởi nghĩa Lê Duy Mật. D. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất.

Câu 6. Nghĩa quân Tây Sơn dùng danh nghĩa gì để nhận được sự ủng hộ của nhân dân?

- A. "Phù Lê diệt Nguyễn". B. "Phù Nguyễn diệt Lê"
C. "Phù Nguyễn diệt Trịnh". D. "Phù Lê diệt Trịnh".

Câu 7. Đâu là vùng đất mà Nguyễn Hoàng trấn thủ, đặt nền tảng cho cơ nghiệp của chín vị chúa Nguyễn ở phương Nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này?

- A. Đất Thanh Hóa. B. Đất Thuận Hóa. C. Đất Ninh Bình. D. Đất Bình Thuận.

Câu 8. Đến cuối thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn ở khu vực nào?

- A. Từ phía nam dải Hoành Sơn đến mũi Cà Mau.
B. Từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
C. Từ Cao Bằng đến phía bắc dải Hoành Sơn.
D. Từ Thuận Hóa đến Quảng Bình.

Câu 9. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng đã có sự dung hợp, hình thành nên

- A. tư bản nông nghiệp. B. tư bản thương nghiệp.
C. tư bản tài chính. D. tư bản công nghiệp.

Câu 10. Trong quá trình tiêu diệt chính quyền chúa Nguyễn ở Đảng Trong, trước tình huống bất lợi cả ở hai phía, quân Tây Sơn đã làm gì?

- A. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Nguyễn.
B. Tạm lui quân.
C. Tạm hòa hoãn với quân Nguyễn, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Trịnh.
D. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, Nguyễn.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“A-lêc-xăng đơ Rôt là một giáo sĩ người Pháp cùng một giáo sĩ Bồ Đào Nha đến Thanh Hoá.

Nhân gặp Trịnh Tráng đi qua, họ đã biểu một đồng hồ và một quyển sách toán đẹp. Trịnh Tráng đã đưa họ về Thăng Long giảng đạo. Nhờ đó, A. đơ Rôt đã làm lễ rửa tội cho hàng ngàn người. Năm 1630 A. đơ Rôt bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Năm 1640 ông được cử vào Đàng Trong nhưng sau 7 tháng bị chính quyền Nguyễn trục xuất, sau đó về Pháp. Năm 1651 A. đơ Rôt hoàn thành quyển Từ điển Việt- Bồ- Latinh, đánh dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La - tinh”

a. Chữ Quốc ngữ được hình thành ở Việt Nam trong thế kỉ XVII.

b. Trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam, giáo sĩ A-lêc-xăng đơ Rôt đã dùng chữ La tinh ghi âm tiếng Việt, đưa đến sự ra đời của chữ Quốc ngữ.

c. Vì sự tiện lợi, khoa học, dễ sử dụng nên khi mới ra đời, chữ Quốc ngữ đã thay thế hoàn toàn chữ Nôm.

d. Các tác phẩm văn học trong thế kỉ XVI-XVIII chủ yếu dùng chữ Quốc ngữ.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ phong trào Tây Sơn, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Ở Việt Nam, mỏ bôxít tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- A. Tây Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Đồng bằng Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 2. Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là

- A. 1300 - 3500 giờ trong năm. B. 1400 - 3000 giờ trong năm.
C. 1300 - 4000 giờ trong năm. D. 1400 - 3500 giờ trong năm.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản?

- A. Đầu tư công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại để khai thác hiệu quả.
B. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm khoáng sản.
C. Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến.
D. Sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch, tăng xuất khẩu khoáng sản thô.

Câu 4. Sông chảy theo hướng vòng cung là

- A. sông Hồng. B. sông Chảy. C. sông Mã. D. sông Gâm.

Câu 5. Ở những khu vực đón gió biển hoặc vùng núi cao có lượng mưa trung bình khoảng

- A. 3000 - 4000mm/năm. B. 2500 - 3500mm/năm.
C. 3500 - 4000mm/năm. D. 3000 - 3500mm/năm.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phân hóa theo chiều đông – tây của khí hậu Việt Nam?

- A. Vùng biển có khí hậu ôn hòa hơn trong đất liền.
B. Vùng đồng bằng ven biển có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Khí hậu trong đất liền ôn hòa hơn khí hậu vùng biển.
D. Vùng đồi núi phía tây khí hậu phân hóa phức tạp.

Câu 7. Sông nào dưới đây chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam?

- A. Sông Cả. B. Sông Gâm. C. Sông Kỳ Cùng. D. Sông Lô.

Câu 8. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam được thể hiện qua yếu tố nào sau đây?

- A. Lượng mưa lớn, dao động từ 1500 – 2000 mm/ năm.
B. Độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.
C. Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước lớn hơn 20°C.
D. Chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa.

Câu 9. Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại màu?

- A. Thiếc. B. A-pa-tit. C. Man-gan. D. Dầu mỏ.

Câu 10. Đặc điểm chế độ của nước sông ngòi Nam Bộ

- A. lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
B. lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
C. lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng khắc nghiệt hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.

D. lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước sông rất điều hòa.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI VŨNG TÀU

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a. Vũng Tàu không có tháng lạnh.

b. Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

c. Mùa mưa và mùa khô có sự phân hoá sâu sắc.

d. Nguyên nhân chủ yếu tạo ra mùa khô sâu sắc là gió mùa Tây Nam.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm). Dựa vào bảng số liệu, hãy tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa của hai trạm Láng (TP Hà Nội) và trạm Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm	Nhiệt độ (°C)	16,6	17,7	20,3	24,2	27,6	29,3	29,4	28,7	27,7	25,3	21,9	18,3
	Lượng mưa (mm)	22,5	24,4	47,0	91,8	185,4	253,3	280,1	309,4	228,3	140,7	66,7	20,2
Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)	Nhiệt độ (°C)	26,5	26,8	27,9	29,0	29,4	28,7	28,3	28,3	28,2	28,1	27,8	26,9
	Lượng mưa (mm)	160,1	80,2	83,1	59,4	125,7	222,8	247,4	250,6	257,8	328,4	388,2	461,1

Câu 2 (0,5 điểm): Để hạn chế những thiệt hại gây ra bởi lũ lụt, nhân dân ta cần thực hiện những biện pháp gì?

----- HẾT -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. "Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo" là khẩu hiệu của cuộc khởi nghĩa nào ở Đảng Ngoài trong thế kỉ XVIII?

- A. Khởi nghĩa Lê Duy Mật. B. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.
C. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu. D. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất.

Câu 2. Đặc trưng quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc là

- A. sự hình thành của các công ty độc quyền.
B. tăng cường xâm chiếm thị trường, thuộc địa.
C. kết hợp giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng.
D. đẩy mạnh xuất khẩu tư bản, dưới 2 hình thức chủ yếu là: đầu tư sản xuất, kinh doanh trực tiếp tại các thuộc địa hoặc cho vay lãi.

Câu 3. Trong quá trình tiêu diệt chính quyền chúa Nguyễn ở Đảng Trong, trước tình huống bất lợi cả ở hai phía, quân Tây Sơn đã làm gì?

- A. Tạm hòa hoãn với quân Nguyễn, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Trịnh.
B. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, Nguyễn.
C. Tạm lui quân.
D. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, tập trung lực lượng tấn công quân của chúa Nguyễn.

Câu 4. Nghĩa quân Tây Sơn dùng danh nghĩa gì để nhận được sự ủng hộ của nhân dân?

- A. "Phù Nguyễn diệt Trịnh". B. "Phù Lê diệt Nguyễn".
C. "Phù Lê diệt Trịnh". D. "Phù Nguyễn diệt Lê"

Câu 5. Từ thế kỉ XVI đến XVIII, tôn giáo nào từng bước suy thoái khi tôn ti trật tự phong kiến không còn được tôn trọng như trước?

- A. Đạo giáo. B. Phật giáo. C. Thiên chúa giáo. D. Nho giáo.

Câu 6. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất hoạt động chính ở vùng nào?

- A. Thanh Hóa, Nghệ An. B. Điện Biên, Tây Bắc.
C. Quảng Trị. D. Sơn Tây.

Câu 7. Đến cuối thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn ở khu vực nào?

- A. Từ phía nam dải Hoành Sơn đến mũi Cà Mau.
B. Từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
C. Từ Thuận Hóa đến Quảng Bình.
D. Từ Cao Bằng đến phía bắc dải Hoành Sơn.

Câu 8. Đâu **không** phải là làng nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Làng gốm Bát Tràng. B. Làng rèn sắt ở Đà Nẵng.
C. Làng dệt La Khê. D. Làng làm đường mía ở Quảng Nam.

Câu 9. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng đã có sự dung hợp, hình thành nên

- A. tư bản tài chính. B. tư bản công nghiệp.
C. tư bản thương nghiệp. D. tư bản nông nghiệp.

Câu 10. Đâu là vùng đất mà Nguyễn Hoàng trấn thủ, đặt nền tảng cho cơ nghiệp của chín vị chúa Nguyễn ở phương Nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này?

- A. Đất Thanh Hóa. B. Đất Thuận Hóa. C. Đất Bình Thuận. D. Đất Ninh Bình.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho đoạn tư liệu sau:

“A-lêc-xăng đơ Rôt là một giáo sĩ người Pháp cùng một giáo sĩ Bồ Đào Nha đến Thanh Hoá. Nhân gặp Trịnh Tráng đi qua, họ đã biếu một đồng hồ và một quyển sách toán đẹp. Trịnh Tráng đã đưa họ về Thăng Long giảng đạo. Nhờ đó, A. đơ Rôt đã làm lễ rửa tội cho hàng ngàn người. Năm 1630 A. đơ Rôt bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Năm 1640 ông được cử vào Đàng Trong nhưng sau 7 tháng bị chính quyền Nguyễn trục xuất, sau đó về Pháp. Năm 1651 A. đơ Rôt hoàn thành quyển Từ điển Việt- Bồ- Latinh, đánh dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La - tinh”

- Chữ Quốc ngữ được hình thành ở Việt Nam trong thế kỉ XVII.
- Trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam, giáo sĩ A-lêc-xăng đơ Rôt đã dùng chữ La tinh ghi âm tiếng Việt, đưa đến sự ra đời của chữ Quốc ngữ.
- Vì sự tiện lợi, khoa học, dễ sử dụng nên khi mới ra đời, chữ Quốc ngữ đã thay thế hoàn toàn chữ Nôm.
- Các tác phẩm văn học trong thế kỉ XVI-XVIII chủ yếu dùng chữ Quốc ngữ.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.

Câu 2 (0,5 điểm): Từ phong trào Tây Sơn, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi, học sinh chọn một phương án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đặc điểm chế độ của nước sông ngòi Nam Bộ

- lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng khắc nghiệt hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước sông rất điều hòa.

Câu 2. Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là

- 1300 - 3500 giờ trong năm.
- 1400 - 3500 giờ trong năm.
- 1300 - 4000 giờ trong năm.
- 1400 - 3000 giờ trong năm.

Câu 3. Sông chảy theo hướng vòng cung là

- sông Mã.
- sông Chảy.
- sông Gâm.
- sông Hồng.

Câu 4. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam được thể hiện qua yếu tố nào sau đây?

- Độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.
- Lượng mưa lớn, dao động từ 1500 – 2000 mm/ năm.
- Chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa.
- Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước lớn hơn 20°C.

Câu 5. Ở Việt Nam, mô xôxít tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nam Trung Bộ.
- Tây Nam Bộ.
- Tây Nguyên.

Câu 6. Sông nào dưới đây chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam?

- Sông Gâm.
- Sông Kỳ Cùng.
- Sông Lô.
- Sông Cả.

Câu 7. Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại màu?

- Dầu mỏ.
- A-pa-tit.
- Thiếc.
- Man-gan.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phân hóa theo chiều đông – tây của khí hậu Việt Nam?

- Vùng đồng bằng ven biển có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Khí hậu trong đất liền ôn hòa hơn khí hậu vùng biển.
- Vùng đồi núi phía tây khí hậu phân hóa phức tạp.
- Vùng biển có khí hậu ôn hòa hơn trong đất liền.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản?

- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm khoáng sản.
- Đầu tư công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại để khai thác hiệu quả.
- Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến.
- Sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch, tăng xuất khẩu khoáng sản thô.

Câu 10. Ở những khu vực đón gió biển hoặc vùng núi cao có lượng mưa trung bình khoảng

A. 3000 - 4000mm/năm.

B. 3500 - 4000mm/năm.

C. 2500 - 3500mm/năm.

D. 3000 - 3500mm/năm.

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Trong mỗi ý a) b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai bằng cách ghi lại chữ Đ với ý đúng, chữ S với ý sai

Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI VŨNG TÀU

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a. Vũng Tàu không có tháng lạnh.

b. Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

c. Mùa mưa và mùa khô có sự phân hoá sâu sắc.

d. Nguyên nhân chủ yếu tạo ra mùa khô sâu sắc là gió mùa Tây Nam.

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm). Dựa vào bảng số liệu, hãy tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa của hai trạm Láng (TP Hà Nội) và trạm Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm	Nhiệt độ (°C)	16,6	17,7	20,3	24,2	27,6	29,3	29,4	28,7	27,7	25,3	21,9	18,3
	Lượng mưa (mm)	22,5	24,4	47,0	91,8	185,4	253,3	280,1	309,4	228,3	140,7	66,7	20,2
Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)	Nhiệt độ (°C)	26,5	26,8	27,9	29,0	29,4	28,7	28,3	28,3	28,2	28,1	27,8	26,9
	Lượng mưa (mm)	160,1	80,2	83,1	59,4	125,7	222,8	247,4	250,6	257,8	328,4	388,2	461,1

Câu 2 (0,5 điểm): Để hạn chế những thiệt hại gây ra bởi lũ lụt, nhân dân ta cần thực hiện những biện pháp gì?

----- **HẾT** -----

ĐỀ 1

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	B	C	D	A	C	A	D	A	C	B
Mã đề 102	C	C	B	C	A	C	D	A	D	A
Mã đề 103	C	D	D	A	A	D	B	A	C	A
Mã đề 104	C	B	D	C	D	B	A	B	A	B

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

a. Đ b. Đ c. S d. S

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.	1
	+ Nguyễn Huệ là một trong những lãnh đạo chủ chốt của phong trào nông dân Tây Sơn, cùng với Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và các tướng lĩnh tài ba khác đã lãnh đạo nhân dân lật đổ các chính quyền Nguyễn, Trịnh, Lê; đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước.	0,5
	+ Đề ra kế sách và lãnh đạo, chỉ huy quân Tây Sơn giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm và Mãn Thanh. Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc	0,25
	+ Sau khi lên ngôi hoàng đế, vua Quang Trung đã bắt tay vào việc xây dựng và cải cách đất nước. Ông đã cho triển khai nhiều chính sách tiến bộ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục...	0,25
2	Từ phong trào Tây Sơn, rút ra bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.	0,5
	Tùy vào câu trả lời của HS để GV cho điểm. Mỗi ý đúng được 0,25 điểm + Phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc. + Đề ra đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, phù hợp. + Đề cao tinh thần nhân đạo, thiện chí hòa bình. + Biết dùng người tài vào những vị trí quan trọng....	

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	D	C	A	C	B	B	C	A	D	A
Mã đề 102	B	A	C	A	D	A	A	B	B	A
Mã đề 103	D	B	D	D	A	C	A	C	A	A
Mã đề 104	C	D	C	D	D	D	C	B	D	A

2. Trắc nghiệm đúng sai (1 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ

a. Đ b. S c. Đ d. S

II. TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu	Nội dung			Điểm
1				1
	Địa điểm	Láng (TP Hà Nội)	Trường Sa (Tỉnh Khánh Hòa)	0,5 0,5
	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	23,9°C	28°C	
	Tổng lượng mưa hàng năm (mm)	1669,8 mm	2664,8 mm	
2	HS nêu được những biện pháp để hạn chế thiệt hại gây ra bởi lũ lụt. Mỗi đáp án đúng được 0,25 đ. Ví dụ: - Đắp đê ven sông và gia cố những công trình thủy lợi, đê điều, bảo vệ các rừng đầu nguồn. - Xây dựng các đập thủy điện vừa sản xuất điện, vừa điều tiết lượng nước chảy của sông, xây dựng các kênh thoát nước lũ.			0,5